Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 22-10-2026 14:59:14 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 165 /2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 25/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng.

a) Khoản 2 Điều 3 về phân loại công trình phục vụ quốc phòng và việc sử dụng cấp công trình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Luật Xây dựng số

135/2025/QH15 trong quản lý hoạt động xây dựng đối với công trình phục vụ quốc phòng;

b) Điểm d khoản 2 Điều 9 về thẩm quyền chủ trì tổ chức giám định xây dựng công trình quốc phòng;

c) Khoản 2 Điều 25 về thẩm quyền, trình tự, nội dung, chi phí kiểm tra công trình phục vụ quốc phòng; công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 69 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

d) Điểm b khoản 6 Điều 42 về thẩm quyền tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

đ) Điểm b khoản 9 Điều 43 về thẩm quyền xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình;

e) Khoản 7 Điều 46 về thẩm quyền chủ trì giải quyết sự cố đối với công trình phục vụ quốc phòng;

g) Khoản 5 Điều 47 về thẩm quyền giám định nguyên nhân sự cố công trình phục vụ quốc phòng.

2. Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, gồm: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thi công xây dựng công trình, lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng; bảo trì công trình xây dựng; đánh giá an toàn công trình; xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng, công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế, loại khỏi biên chế, phá dỡ công trình xây dựng; quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng tại khu đất sử dụng vào mục đích quốc phòng; xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng.

3. Việc quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình quốc phòng loại A, loại C trực tiếp phục vụ và bảo đảm cho nhiệm vụ chiến đấu, phòng thủ bảo vệ Tổ quốc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2026/TT-BQP ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế xây dựng công trình chiến đấu; công trình quốc phòng loại B thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2021/TT-BQP ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý đầu tư và điều hành, sử dụng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2026/TT-BQP ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức (sau đây viết

gọn là cơ quan, đơn vị) và cá nhân có liên quan đến quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các cơ quan chuyên môn về xây dựng là cơ quan được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 101/2026/TT-BQP quy định chi tiết và biện pháp thực hiện một số nội dung Luật Xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 4. Phân loại công trình

Theo công năng sử dụng, loại công trình quốc phòng được quy định tại Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 25/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15, cụ thể như sau:

1. Công trình loại A là công trình quốc phòng phục vụ nhiệm vụ tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5;

2. Công trình loại B là công trình quốc phòng phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập của lực lượng quân đội và dân quân tự vệ, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5;

3. Công trình loại C là công trình quốc phòng phục vụ cất trữ, sửa chữa, tiêu hủy vũ khí, đạn dược, trang bị, nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất các sản phẩm quốc phòng, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5;

4. Công trình loại D là công trình quốc phòng phục vụ sinh hoạt, học tập, làm việc thường xuyên của quân đội và các nhiệm vụ khác, không bao gồm các nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5.

Điều 5. Phân cấp công trình

1. Cấp công trình sử dụng trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng trong Bộ Quốc phòng xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và Phụ lục I Thông tư này.

2. Nguyên tắc xác định cấp công trình

a) Cấp công trình của một công trình độc lập là cấp cao nhất được xác định theo Thông tư số 34/2026/TT-BXD và Phụ lục I Thông tư này;

b) Cấp công trình của một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ gồm nhiều hạng mục công trình được xác định theo khoản 3 Điều 2 Thông tư số 34/2026/TT-BXD.

Điều 6. Áp dụng cấp công trình trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng trong Bộ Quốc phòng

1. Cấp công trình quy định tại Thông tư này được áp dụng làm cơ sở để quản lý các hoạt động xây dựng trong Bộ Quốc phòng, như sau:

a) Xác định thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, kiểm tra công tác quản lý thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cho ý kiến đối với công trình có công nghệ mới, áp dụng lần đầu thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn; kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình;

b) Xác định công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc;

c) Xác định công trình có yêu cầu phải lập chỉ dẫn kỹ thuật riêng;

d) Xác định công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng;

đ) Xác định công trình có yêu cầu bắt buộc bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;

e) Xác định công trình phải thực hiện đánh giá định kỳ về an toàn của công trình xây dựng trong quá trình khai thác, sử dụng;

g) Xác định công trình xây dựng mới yêu cầu áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng và các giải pháp công nghệ số;

h) Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

i) Xác định thời hạn và mức tiền bảo hành công trình;

k) Xác định công trình phải lập quy trình bảo trì riêng;

l) Phục vụ việc xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế;

m) Phân cấp sự cố công trình xây dựng và thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng;

n) Xác định thẩm quyền giám định xây dựng;

o) Các hoạt động xây dựng khác theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Nguyên tắc áp dụng cấp công trình để quản lý các hoạt động xây dựng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 34/2026/TT-BXD.

Chương II
QUẢN LÝ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, BẢO TRÌ, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN, PHÁ DỠ, GIẢI QUYẾT SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG, XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thi công xây dựng công trình, lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng

1. Chủ đầu tư và các nhà thầu được quyền thỏa thuận lựa chọn ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin, mô hình thông tin công trình (BIM) để quản lý thi công xây dựng công trình và lập hồ sơ, tài liệu thuộc danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, Thông tư số 20/2025/TT-BQP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về lưu trữ thuộc phạm vi quản lý Bộ Quốc phòng.

3. Các bộ phận công trình bị che khuất, che lấp phải có hình ảnh (ảnh chụp, video) do chủ đầu tư, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện để phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu. Hình ảnh phải rõ nét, thể hiện được hình khối, quy cách, thời gian, vị trí thực hiện. Thời gian lưu trữ hình ảnh do chủ đầu tư quy định nhưng không ngắn hơn thời gian bảo hành công trình.

4. Đối với các công trình cần bảo đảm bí mật nhà nước, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thi công xây dựng công trình, lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 8. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng (trừ các công trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69, các điều 70, 71 và 72 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15) phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng kiểm tra các công trình thuộc dự án do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư; công trình cấp II trở lên thuộc dự án do người đứng đầu doanh nghiệp quốc phòng quyết định đầu tư; công trình do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng kiểm tra công trình thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm các công trình quy định tại điểm a, điểm c khoản này;

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp BCHQS tỉnh, sư đoàn và tương đương kiểm tra các công trình do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng giao; tham gia kiểm tra công trình thuộc các dự án phục vụ quốc phòng do địa phương quyết định đầu tư trên địa bàn (khi có yêu cầu).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng kiểm tra công trình cấp đặc biệt thuộc Phụ lục I Thông tư này, công trình cấp đặc biệt thuộc Phụ lục IV Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, công trình do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao;

b) Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra công trình cấp I, cấp II thuộc Phụ lục I Thông tư này, công trình thuộc Phụ lục IV Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, không bao gồm công trình quy định tại điểm a khoản này;

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp BCHQS tỉnh, sư đoàn và tương đương tham gia kiểm tra công trình thuộc các dự án phục vụ quốc phòng do địa phương quyết định đầu tư trên địa bàn (khi có yêu cầu).

4. Các công trình còn lại, chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật có liên quan.

Điều 9. Nội dung, trình tự, chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

a) Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

b) Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; trường hợp công trình không được kiểm tra trong quá trình thi công theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì thực hiện kiểm tra các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng công trình

a) Căn cứ thông tin khởi công công trình, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp quyết định thời điểm tổ chức kiểm tra và thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp kiểm tra các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thông báo kết quả kiểm tra gửi chủ đầu tư theo Mẫu số 02 Phụ lục II Thông tư này; số lần kiểm tra, thời hạn

thông báo kết quả kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

3. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình

a) Chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục II Thông tư này đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để thực hiện kiểm tra;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và thông báo kết quả kiểm tra gửi chủ đầu tư theo Mẫu số 04 Phụ lục II Thông tư này; được mời các cá nhân có năng lực phù hợp tham gia kiểm tra.

4. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

Điều 10. Bảo trì công trình xây dựng

1. Chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình tổ chức lập quy trình bảo trì theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Chi phí bảo trì công trình xây dựng bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

3. Chi phí bảo trì công trình xây dựng xác định theo quy định tại Thông tư số 40/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

4. Định mức công việc bảo trì công trình xây dựng xác định theo Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

5. Căn cứ quy trình bảo trì công trình được phê duyệt, hằng năm, chủ quản lý sử dụng công trình tổ chức lập kế hoạch, dự toán hoặc dự án bảo trì, báo cáo cơ quan chuyên môn theo phân cấp để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 11. Đánh giá an toàn công trình

1. Thời điểm đánh giá lần đầu, tần suất, nguyên tắc, nội dung, trình tự, hồ sơ đánh giá an toàn công trình thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp BCHQS tỉnh, sư đoàn và tương đương tổ chức rà soát các công trình thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn trong phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng của đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng của đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổ chức rà soát các công trình thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn trong phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng để yêu cầu chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức đánh giá an toàn công trình theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền giám định xây dựng công trình

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng tổ chức giám định công trình cấp đặc biệt; công trình do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng của đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng tổ chức giám định các công trình thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm các công trình quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng; công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế; loại khỏi biên chế, phá dỡ công trình xây dựng

1. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

a) Khi phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin hạng mục công trình, công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng, chủ quản lý, sử dụng công trình thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 42 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp để báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng, đồng thời gửi báo cáo đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để phối hợp thực hiện;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

a) Chủ quản lý, sử dụng công trình rà soát, xác định thời hạn sử dụng của công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, dự kiến phương án xử lý sau khi hết thời hạn sử dụng (tối thiểu trước 12 tháng), báo cáo Thủ trưởng cấp trên trực tiếp để báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Đối với các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng yêu cầu chủ quản lý sử dụng công trình thực hiện theo quy định tại các điểm a, b khoản 4 Điều 43 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, làm cơ sở để xem xét, cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình;

c) Đối với các trường hợp không tiếp tục sử dụng khi công trình hết thời hạn sử dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP,

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Loại khỏi biên chế và xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2026/TT-BQP ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản công trong Bộ Quốc phòng.

4. Phá dỡ công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2025/TT-BQP ngày 23 tháng 01 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 108/2025/TT-BQP.

Điều 14. Sự cố công trình xây dựng

1. Báo cáo sự cố công trình xây dựng

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố công trình, bằng biện pháp nhanh nhất, chủ đầu tư hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng công trình phải báo cáo Thủ trưởng cấp trên trực tiếp và trong vòng 24 giờ báo cáo đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng (qua cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng) để báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (qua cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng);

b) Nội dung báo cáo sự cố công trình theo khoản 2 Điều 45 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Giải quyết sự cố công trình xây dựng

a) Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra, tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố, thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức giải quyết sự cố công trình thuộc phạm vi quản lý; trường hợp cần thiết do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

3. Thẩm quyền, nội dung giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố gây sập đổ công trình, sập đổ một phần công trình hoặc hư hỏng có nguy cơ gây sập đổ toàn bộ công trình cấp đặc biệt;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố gây sập đổ công trình, sập đổ một phần công trình hoặc hư hỏng có nguy cơ gây sập đổ toàn bộ công trình thuộc phạm vi quản lý, không bao gồm công trình quy định tại điểm a khoản này;

c) Nội dung giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

Điều 15. Sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

1. Sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Báo cáo, giải quyết và điều tra sự cố do máy, thiết bị

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố, bằng biện pháp nhanh nhất, chủ đầu tư hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng công trình phải báo cáo Thủ trưởng cấp trên trực tiếp và trong vòng 24 giờ báo cáo đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (qua cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng) để báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (qua cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng), nội dung báo cáo gồm các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

b) Giải quyết sự cố thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 50 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra việc báo cáo, giải quyết sự cố của chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng quy định tại điểm a, điểm b khoản này (nếu cần thiết);

d) Trường hợp sự cố làm bị thương nặng hoặc gây chết người thì việc khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự cố thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BQP ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động trong Bộ Quốc phòng.

3. Đối với sự cố tai nạn lao động thì việc khai báo, điều tra, báo cáo và giải quyết sự cố thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 16. Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng tại khu đất sử dụng vào mục đích quốc phòng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Nội dung quản lý trật tự xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 67 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Điều 17. Xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động xây dựng có hành vi vi

phạm quy định của pháp luật về hoạt động xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư và nhà thầu áp dụng chế tài theo hợp đồng xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Ngay khi phát hiện hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng (qua kiểm tra hoặc được thông báo), chủ đầu tư tổ chức lập biên bản xác định hành vi vi phạm, khắc phục vi phạm và áp dụng các biện pháp xử lý theo hợp đồng đã giao kết; trường hợp cần thiết, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 18. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

1. Chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và Thông tư này; xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Tham mưu với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; thực hiện quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và dự thảo văn bản của Bộ Quốc phòng gửi Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng công trình và an toàn trong thi công xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

4. Chỉ đạo Cục Doanh trại: Thực hiện chức năng cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng theo quy định tại Thông tư này và các nhiệm vụ khác khi được giao; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư trong việc quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng.

Điều 19. Cơ quan chức năng có liên quan của Bộ Quốc phòng

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, tham gia quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Điều 20. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công tác quản lý thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi quản lý; thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc

a) Thực hiện chức năng cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Thông tư này và các nhiệm vụ khác khi được giao;

b) Triển khai, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật mới về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi quản lý;

c) Tổng hợp về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng thuộc phạm vi quản lý, báo cáo theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật trước ngày 15 tháng 11 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 21. Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý sử dụng công trình

1. Tham gia quản lý chất lượng trong quá trình thiết kế, thi công xây dựng; kịp thời phát hiện bất cập, kiến nghị với chủ đầu tư điều chỉnh để phát huy hiệu quả đầu tư.

2. Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng, vận hành và bảo trì công trình đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc công trình xây dựng bị hư hỏng, xuống cấp do sai phạm trong quá trình khai thác, sử dụng hoặc thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

3. Thực hiện các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Thông tư này và các nhiệm vụ khác khi được giao.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng được quyết định đầu tư trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì loại và cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư.

2. Các hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

3. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại

Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2025/TT-BQP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Thông tư này thì không tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng, quản lý thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình, khắc phục tồn tại theo thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có), đưa vào khai thác sử dụng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu của mình.

4. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2025/TT-BQP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Thông tư này thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp chưa tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình thì thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp đã tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình thì chủ đầu tư tiếp tục thực hiện đối với các công trình còn lại của dự án theo quy định tại Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2025/TT-BQP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026. Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng và Thông tư số 24/2025/TT-BQP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 174/2021/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (qua Cục Doanh trại) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Quang Ngọc

Nơi nhận:
- Bộ trưởng;
- Đ/c TTMT; đ/c CN TCCT;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ(05);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ(64);
- Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;
- Cục Pháp chế/BQP;
- Cục Doanh trại/TCHC-KT;
- Cổng Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, THBĐ. H79.

Phụ lục I

PHÂN CẤP CÔNG TRÌNH TRỤ SỞ
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG BỘ QUỐC PHÒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BQP ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Cấp công trình quy định tại mục 1.1.7 Phụ lục I của Thông tư 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng được quy định trong Bộ Quốc phòng như sau:

1.	Công trình cấp đặc biệt: Nhà Sở chỉ huy Bộ Quốc phòng.
2.	Công trình cấp I: Nhà Sở chỉ huy, trụ sở cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng.
3.	Công trình cấp II: Nhà Sở chỉ huy cấp Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Sư đoàn, Lữ đoàn và tương đương.
4.	Công trình cấp III: Nhà Sở chỉ huy cấp Trung đoàn, Nhà chỉ huy Ban CHQS xã và tương đương.

Phụ lục II

CÁC MẪU BIỂU BÁO CÁO, THÔNG BÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 165/2026/TT-BQP ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	MẪU BIỂU	TRÍCH YẾU MẪU BIỂU	GHI CHÚ
1	Mẫu số 01	Báo cáo khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng	
2	Mẫu số 02	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng hạng mục công trình/công trình xây dựng	
3	Mẫu số 03	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng	
4	Mẫu số 04	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình/công trình xây dựng	
5	Mẫu số 05	Báo cáo về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng và quản lý an toàn trong thi công xây dựng năm	

Mẫu số 01

.....(1).....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... (2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO

Khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng...

Kính gửi: ..... (3) .....

..... (2)..... báo cáo về việc khởi công xây dựng của hạng mục công trình, công trình xây dựng như sau:

1. Tên hạng mục công trình/công trình xây dựng: .....

2. Địa điểm xây dựng: .....

3. Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: .....

4. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp: .....

5. Quy mô hạng mục công trình/công trình xây dựng (nêu tóm tắt về tổng mức đầu tư, tiến độ thi công, nguồn vốn, thông số kỹ thuật chủ yếu của hạng mục công trình, công trình xây dựng).

6. Danh sách các nhà thầu chính và nhà thầu phụ (nếu có): (Khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).

7. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến)./.

(gửi kèm theo các Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án; phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ..... (4)....;
- .....;
- Lưu: .....

Ghi chú:

(1) Tên của cấp trên chủ đầu tư.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Tên Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

(4) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị đối với các dự án Bộ quyết định đầu tư.

Mẫu số 02

…… (1) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….(2)……..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/TB-……	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công Hạng mục công trình, công trình...

Kính gửi: …(3)…

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số …/2026/TT-BQP ngày …./…/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ các Báo cáo của chủ đầu tư: Báo cáo khởi công xây dựng công trình số ... ngày ...; Báo cáo thi công xây dựng số ... ngày ...; Báo cáo khắc phục tồn tại số ... ngày ... (nếu có);

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu ngày …(nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.... (2)…thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của ...(3)…đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:.....

b) Địa điểm xây dựng:.....

c) Loại và cấp công trình:.....

d) Quy mô và hiện trạng công trình.....

2. Kết quả kiểm tra

a) Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình/công trình xây dựng

(Nêu hiện trạng thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; về tình hình chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng)

b) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật

(Nêu các đánh giá về năng lực các chủ thể tham gia xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng, sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và các quy định khác có liên quan, công tác lập và lưu trữ hồ sơ, ... thông qua kiểm tra hồ sơ công trình)

c) Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- .....

- Yêu cầu khác (nếu có)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ..... (4)....;
- Lưu:...

..... (2) .....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của cấp trên cơ quan chuyên môn về xây dựng.

(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp.

(3) Tên của chủ đầu tư.

(4) Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan được giao quản lý đầu tư xây dựng.

Mẫu số 03

.....(1).....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... (2)	**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO

Hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng...

Kính gửi : ..... (3).....

..... (2)..... báo cáo kết quả hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:.....

2. Địa điểm xây dựng: .....

3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).

4. Danh sách các nhà thầu chính: (Khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).

5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện

7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế

8. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng

9. Danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng: (Theo Phụ lục VII Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ (trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14 phụ lục này)).

..... (2)..... cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt; tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị ....(3).... tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

(gửi kèm theo các Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án; phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công bản photo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....
- Lưu ...

Ghi chú:

(1) Tên của cấp trên chủ đầu tư.

(2) Tên của chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư.

(3) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

Mẫu số 04

…… (1) ……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….(2)……..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/TB-…	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành Hạng mục công trình, công trình xây dựng...

Kính gửi: …(3)…

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số …/2026/TT-BQP ngày …./…/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định, phê duyệt tại văn bản số....;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số...ngày...; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số...ngày... (nếu có);

Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư;

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC (nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(2)... chấp thuận kết quả nghiệm thu của ....(3)... đối với hạng mục công trình/công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình: .....

b) Địa điểm xây dựng: …….....

c) Loại và cấp công trình: …….....

d) Mô tả các thông số chính của công trình:……

2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- Chịu trách nhiệm về kết quả khắc phục và kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.
- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo công năng, thiết kế được duyệt.
- Các yêu cầu khác (nếu có) (*bổ sung hồ sơ, thủ tục pháp lý...*)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .... (1) (để b/c);
-.... (4);
- Lưu: ...

..... (2) .....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của cấp trên cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu.

(2) Tên cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu.

(3) Tên của chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng BQP thực hiện kiểm tra. Tên của đại diện chủ đầu tư trường hợp chủ đầu tư đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra.

(4) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng BQP thực hiện kiểm tra. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có liên quan trường hợp chủ đầu tư tổ chức kiểm tra.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ (1) **CƠ QUAN CM VỀ XD**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..../BC-Tên viết tắt cơ quan báo cáo	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

BÁO CÁO

Về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng và quản lý an toàn trong thi công xây dựng do ...(1)... quản lý năm ....

Kính gửi: Cục Doanh trại/TCHC-KT.

I. SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Thống kê số lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý thông qua công tác kiểm tra, nghiệm thu *(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*. Trong đó:

1. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương: ..... công trình.

2. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác[1]: .....công trình.

3. Đánh giá về công tác quản lý chất lượng thuộc đối tượng quản lý

a) Về chất lượng thi công xây dựng

.....

.....

b) Về tình hình vi phạm quy định về quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng đã bị xử lý vi phạm hành chính

.....

.....

c) Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng, đình chỉ khai thác, sử dụng

.....

.....

II. SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thống kê số lượng sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

---

[1] Các nguồn vốn khác là vốn không thuộc vốn ngân sách Trung ương.

2. Kết quả giám định chất lượng, giải quyết sự cố công trình xây dựng

a) Công tác giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với các công trình xây dựng theo thẩm quyền quy định tại khoản Điều 47 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (gọi tắt là Nghị định số 207/2026/NĐ-CP);

……..

……..

b) Kết quả giải quyết các sự cố thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 46 của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

……..

……..

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH, CÔNG BỐ CÔNG TRÌNH HẾT THỜI HẠN SỬ DỤNG THEO THIẾT KẾ, XEM XÉT VÀ THÔNG BÁO Ý KIẾN VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

1. Kết quả đánh giá an toàn công trình quy định tại Điều 41 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

……..

……..

2. Kết quả thực hiện công bố công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế quy định tại Điều 43 của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

……..

……..

3. Kết quả thực hiện xem xét và thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp quy định tại Điều 43 của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

……..

……..

IV. QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG

1. Công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng (chủ đầu tư; các nhà thầu thi công xây dựng công trình; người lao động), bao gồm:

- Việc tổ chức quản lý công tác an toàn lao động theo quy định;

- Việc lập, chấp thuận biện pháp bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng công trình;

- Việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình;

- Quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng;

- Việc kiểm tra, giám sát về an toàn lao động trong thi công xây dựng, gồm: Số lượng công trình đã kiểm tra, số lượng nhà thầu thi công xây dựng đã được kiểm tra, các hành vi vi phạm quy định về an toàn lao lao động trong thi công xây dựng thường gặp;

- Việc tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người quản lý, sử dụng lao động và người lao động tham gia thi công xây dựng công trình.

2. Tình hình tai nạn lao động trong thi công xây dựng

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

V. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO KHÁC VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các nội dung báo cáo khác

.....

.....

2. Kiến nghị

.....

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cục Doanh trại/TCHC-KT;
- Lưu: VT.

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị trực thuộc BQP.

* Kết quả thực hiện tính từ ngày 01/11 năm trước đến 30/10 của năm báo cáo.

Phụ lục I

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU TRONG KỲ BÁO CÁO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HC ngày..... tháng..... năm.... của.....)

STT	Danh mục	Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công							Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình													Nguồn vốn
		Ngày khởi công	Ngày kiểm tra	Cấp công trình					Ngày hoàn thành	Ngày kiểm tra	Cơ quan kiểm tra	Đã chấp thuận nghiệm thu					Không chấp thuận nghiệm thu					
												Cấp công trình					Cấp công trình					
				Đặc biệt	I	II	III	IV				Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*
	TỔNG SỐ																					
A	**DỰ ÁN BỘ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**																					
I	**DÂN DỤNG**																					
1	**Dự án ...**																					
	Nhà ở						x															NSQP
	Nhà ăn,							x														NSQP
	Nhà vệ sinh							x														NSNN

2	**Dự án …**																					
	Nhà ở chiến sỹ							x														NSQP
	Nhà tắm, khu vệ sinh							x														NSNN
II	**CÔNG NGHIỆP**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
III	**GIAO THÔNG**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
IV	**NN VÀ MT**																					

1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
V	**HTKT**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
B	**DỰ ÁN BỘ UỶ QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**																					
I	**DÂN DỤNG**																					
1	**Dự án**																					

	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
II	**CÔNG NGHIỆP**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
III	**GIAO THÔNG**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP

	Công trình…							x														NSQP
IV	**NÔNG NGHIỆP VÀ MT**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
V	**HTKT**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…							x														NSQP
	Công trình…							x														NSQP
C	**DỰ ÁN DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG**																					

	QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ																					
I	**DÂN DỤNG**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
II	**CÔNG NGHIỆP**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
III	**GIAO THÔNG**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP

	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
IV	**NÔNG NGHIỆP VÀ MT**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
V	**HTKT**																					
1	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP
2	**Dự án**																					
	Công trình…						x															NSQP
	Công trình…							x														NSQP

Phụ lục II

THỐNG KÊ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH

STT	Loại công trình	Công trình đang thi công	Công trình đang sử dụng
	TỔNG SỐ		
I	Dân dụng		
II	Công nghiệp		
III	Giao thông		
IV	Nông nghiệp và PTNT		
V	Hạ tầng kỹ thuật		

Phụ lục III

TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG NĂM ...

(Kèm theo Báo cáo số /BC-... ngày..... tháng..... năm.... của.....)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng cùng kỳ năm trước	Số lượng trong kỳ báo cáo
I	**Tổng số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình**	Vụ		
1	Do sự cố công trình gây ra	Vụ		
2	Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	Vụ		
3	Do người lao động gây ra	Vụ		
4	Do nguyên nhân khác gây ra	Vụ		
II	**Tổng số người chết do tai nạn lao động trong thi công XDCT**	Người		
1	Do sự cố công trình gây ra	Người		
2	Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	Người		
3	Do người lao động gây ra	Người		
4	Do nguyên nhân khác gây ra	Người		
III	**Tổng số người bị thương do tai nạn lao động trong thi công XDCT**	Người		
1	Do sự cố công trình gây ra	Người		
2	Do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	Người		
3	Do người lao động gây ra	Người		
4	Do nguyên nhân khác gây ra	Người		
IV	**Tỷ lệ số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình**			
-	Tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố công trình gây ra	%		

-	Tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động gây ra	%		
-	Tỷ lệ số vụ TNLĐ do người lao động gây ra	%		
-	Tỷ lệ số vụ TNLĐ do nguyên nhân khác gây ra	%		

Ghi chú: (*) Tỷ lệ % tính theo sự cố tương ứng trên tổng số vụ (phần I)